

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
EVERLAND**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: 82/2019/CV-EVG

V/v: đính chính chi tiêu trên BCTC
hợp nhất quý II năm 2019

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2019

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
Sở Giao dịch chứng khoán Tp Hồ Chí Minh**

Công ty CP Đầu tư Everland xin gửi đến Quý Ủy ban, Quý sở lời chào trân trọng.

Căn cứ vào Báo cáo tài chính Hợp nhất quý II năm 2019 đã công bố vào ngày 22 tháng 07 năm 2019, do sai sót trong quá trình nhập liệu, chúng tôi xin được đính chính thông tin như sau:

+ Bảng Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

- Sửa tên tiêu đề. Trên báo cáo cũ là: Số dư đầu kỳ, báo cáo thay thế là: Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019. Số dư đầu kỳ, báo cáo thay thế là: Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018.
- Số liệu trên cột “ Số đầu kỳ” : thay đổi như tài liệu đính kèm.

+ Bảng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Chỉ tiêu 20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát: (mã số 62) báo cáo cũ là: 105.210.033, báo cáo thay thế là 42.164.061
- Số liệu trên cột “ Quý II, năm trước” và ‘ Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này, Năm trước” thay đổi như tài liệu đính kèm.

Kèm theo công này, Công ty cổ phần Đầu tư Everland xin gửi lại bản Báo cáo tài chính quý II năm 2019 đã được thay đổi theo nội dung nêu trên.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VT, HC



Lê Đình Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EVERLAND

Địa chỉ: số 142 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (04) 35690141 - Fax: (4) 35690141

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ báo cáo

kết thúc tại ngày 30/06/2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT*Quý II năm 2019*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND		Đơn vị tính: VND	
			Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	117,351,539,581	156,666,441,647	254,554,994,192	306,198,119,618
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.03	117,351,539,581	156,666,441,647	254,554,994,192	306,198,119,618
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	110,725,286,753	142,011,115,604	238,666,254,089	282,592,262,066
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6,626,252,828	14,655,326,043	15,888,740,103	23,605,857,552
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	19,448,609	11,235,047	21,604,580	22,325,547
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	361,754,660	307,366,295	891,793,270	603,891,132
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		404,013,198	305,710,676	864,176,052	602,235,513
8. Phần lãi, lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		23,438,266	21,797,906	44,533,251	53,592,434
9. Chi phí bán hàng	25		610,898,459	845,505,197	1,454,489,347	1,885,419,529
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2,790,468,525	2,063,342,534	5,037,114,658	3,956,761,248
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24+(25+26)}	30		2,906,018,059	11,472,144,970	8,571,480,659	17,235,703,624
12. Thu nhập khác	31		36,300	3,490,396	239,592	10,106
13. Chi phí khác	32		20,044,189	2,396,639	23,772,572	7,311,228
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(20,007,889)	1,093,757	(23,532,980)	(7,301,122)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2,886,010,170	11,473,238,727	8,547,947,679	17,228,402,502
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	617,431,244	2,229,897,672	1,800,340,535	3,498,652,484
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	96,412,196	-	42,423,998
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2,268,578,926	9,146,928,859	6,747,607,144	13,687,326,020
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		2,226,414,865	9,210,329,939	6,642,397,111	13,750,727,100
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		42,164,061	(63,401,080)	105,210,033	(63,401,080)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08		41	111	458

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp gián tiếp
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8,547,947,679	17,228,402,502
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02		426,538,170	335,077,344
- Các khoản dự phòng	03		250,755,280	195,294,821
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hoái đoái chưa thực hiện	04		(1,549,405)	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(64,580,541)	(21,379,619)
- Chi phí lãi vay	06		889,326,754	602,235,513
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10,048,437,937	18,339,630,561
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(21,041,061,802)	(57,494,958,862)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6,400,843,671)	(18,693,957,139)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		5,750,547,638	50,524,128,064
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		249,071,442	350,279,190
- Tiền lãi vay đã trả	14		(901,480,651)	(604,361,456)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1,520,238,676)	(3,605,516,131)
- Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	16		144,000,000	1,950,000,000
- Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	17		(120,000,000)	(1,517,919)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20		(13,791,567,783)	(9,236,273,692)
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1,306,741,818)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	50,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20,066,135	3,937,333
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		20,066,135	(1,252,804,485)
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		3,500,000,000	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		17,638,391,634	14,357,757,362
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(17,161,199,998)	(13,306,813,548)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3,977,191,636	1,050,943,814
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20+30+40)	50		(9,794,310,012)	(9,438,134,363)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		14,276,911,410	26,826,388,699
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hoái đoái quy đổi ngoại tệ	61		9,663	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		4,482,611,061	17,388,254,336

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc





Nguyễn Thị Miền

Khương Thị Hường

Lê Đình Vinh